

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS - PT

Ngày: 25 - 3 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Kim Cua

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2022/TLPT- DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Hoàng Q, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983; Bà Nguyễn Thị Loan T, sinh năm 1997 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 08/3/2022); Cùng địa chỉ: Số 167D3, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Võ Ngọc L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 141D, đường N, phường An Hội, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt); Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Võ Ngọc L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung bản án sơ thẩm,*

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Hoàng Q trình bày:*

Do quen biết nên bà Phan Hoàng Q có cho bà Võ Ngọc L vay tiền trong nhiều lần:

- Lần 1: Ngày 13/10/2020, bà Q cho bà L vay số tiền 36.000.000 đồng, có làm Hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn M. Thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 1,66%/tháng. Bà Q chuyển khoản cho bà L số tiền 30 triệu đồng, còn 6 triệu đồng bà Q giao tiền mặt cho bà L, có Giấy biên nhận ngày 13/10/2020. Hết thời hạn vay, bà L không trả được nợ và xin gia hạn lại đến ngày 13/01/2021 sẽ trả và được bà Q đồng ý nên hai bên tiếp tục thực hiện hợp đồng. Khoản vay này bà L đã đóng lãi cho bà Q từ ngày 13/10/2020 đến ngày 13/12/2020 số tiền 1.195.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 19/11/2020, bà Q có cho bà L vay số tiền 26.700.000 đồng, có làm Hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn M. Thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 1,66%/tháng. Bà Q đã giao đủ số tiền cho bà L theo Giấy biên nhận ngày 19/11/2020. Hết thời hạn vay, bà L không trả được nợ và xin gia hạn và được bà Q đồng ý nên hai bên tiếp tục thực hiện hợp đồng đến khi nào bà L có tiền thì trả, lãi suất vẫn là 1,66%/tháng. Khoản vay này bà L đã đóng lãi cho bà Q từ ngày 19/11/2020 đến ngày 19/12/2020 số tiền 443.000 đồng.

- Lần 03: Ngày 16/12/2020, bà Q có cho bà L vay số tiền 30.200.000 đồng, có làm hợp đồng nhưng không có công chứng, có làm biên nhận tiền. Thời hạn vay là 01 tháng nhưng đến nay bà L không trả lãi, không trả vốn cho bà Q.

Tổng cộng, bà L còn nợ bà Q số tiền 92.900.000 đồng. Do bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Q khởi kiện yêu cầu bà Võ Ngọc L trả tổng số tiền vốn là 92.900.000 đồng, yêu cầu trả lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 01/02/2021 đến khi vụ án được giải quyết xong. Bà Q chỉ yêu cầu một mình bà L chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

*Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Ngọc L trình bày:*

Ngày 13/10/2020, bà có vay của bà Phan Hoàng Q số tiền 30.000.000 đồng nhưng làm hợp đồng vay công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn M lại ghi số tiền 36.000.000 đồng. Số tiền 6.000.000 đồng là tiền lãi của 30.000.000 đồng tiền vay gốc (tương đương 20%/tháng, tức là 5 ngày đóng lãi 1.000.000 đồng). Số tiền 30.000.000 đồng này bà Q chuyển khoản cho bà L. Hết thời hạn vay, bà L chưa trả được tiền vốn và có đóng lãi cho bà Q theo mức lãi suất 20%/tháng nhưng không nhớ cụ thể số tiền lãi đóng cho bà Q, các lần đóng lãi cũng không làm biên nhận tiền. Tiền lãi không đóng trực tiếp cho bà Q mà gửi cho ông Nguyễn Tấn P. Số tiền vay 30.000.000 đồng này bà L chưa trả được tiền vốn gốc cho bà Q.

Ngày 19/11/2020, bà L có vay của bà Q số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi của 10 ngày là 1.700.000 đồng, vì vậy mới làm hợp đồng vay có công

chứng với số tiền 26.700.000 đồng. Thực tế bà L chỉ nhận số tiền 25.000.000 đồng. Hết thời hạn vay, bà L chưa trả được tiền vốn nên tiếp tục đóng lãi cho bà Q, cứ 10 ngày bà L đóng lãi 1.700.000 đồng, tiền lãi cũng là gửi cho ông Phong, các lần đóng lãi cũng không làm biên nhận tiền. Số tiền vay 25.000.000 đồng này bà L chưa trả được tiền vốn gốc cho bà Q, số tiền lãi đã đóng bao nhiêu bà L cũng không nhớ.

Hợp đồng vay tiền từ ngày 13/10/2020 và 19/11/2020 bà L không được giữ bản chính nào mà bà Q cất giữ tất cả, mục đích vay tiền là để kinh doanh.

Do hợp đồng vay tiền ngày 19/11/2020, bà L không đóng lãi 02 kỳ nên bà Q yêu cầu ký lại hợp đồng mới với số tiền vay là 30.2000.000 đồng vào ngày 16/12/2020, hợp đồng này không có công chứng. Theo nguyên tắc của bà Q thì khi nào công chứng xong mới giao tiền, thực tế bà L không có nhận số tiền 30.200.00 đồng, mà đây là số tiền vốn của hợp đồng ngày 19/11/2020 cộng thêm tiền lãi bà L còn nợ.

Nay bà L chỉ đồng ý trả cho bà Q số tiền vay gốc của 02 hợp đồng là 55.000.000 đồng. Đối với tiền lãi do đã đóng cho bà Q quá nhiều nên bà L không đồng ý trả lãi cho bà Q.

*Tại Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 15/11/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P trình bày:*

Ông không biết gì về việc vay mượn tiền giữa bà Q và bà L. Vì vậy ông xin được vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập vì ông không liên quan đến vụ án này. Ông cam kết không khiếu nại về sau.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Hoàng Q: Buộc bà Võ Ngọc L có trách nhiệm trả cho bà Phan Hoàng Q số tiền 109.400.900 đồng, gồm 92.900.000 đồng tiền vốn gốc và 16.500.900 đồng tiền lãi. Ghi nhận việc bà Q chỉ yêu cầu một mình bà L chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/01/2022, bị đơn bà Võ Ngọc L có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bà L chỉ đồng ý trả cho bà L 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và yêu cầu được đối chất với ông Nguyễn Tấn P trước toà. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Phan Hoàng Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:*

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Phan Hoàng Q yêu cầu bị đơn bà Võ Ngọc L trả cho bà Q số tiền vay là 92.900.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chứng cứ chứng minh là bản chính hợp đồng vay tiền ngày 13/10/2020 - giấy biên nhận tiền ngày 13/10/2020, hợp đồng vay tiền ngày 19/11/2020 - giấy biên nhận tiền 19/11/2020, hợp đồng vay tiền ngày 16/12/2020 - giấy giao nhận tiền ngày 16/12/2020. Bị đơn bà Võ Ngọc L thừa nhận bà có ký tên vào các hợp đồng vay tiền và các giấy biên nhận giao tiền nêu trên. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày: Hợp đồng vay tiền ngày 13/10/2020 bà chỉ vay 30.000.000 đồng nhưng làm hợp đồng là 36.000.000 đồng, 6.000.000 đồng là tiền lãi với lãi suất 20%/tháng của 30.000.000 đồng, thoả thuận qua tin nhắn là 05 ngày trả lãi 01 lần x 1.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền ngày 19/11/2020 bà vay 25.000.000 đồng nhưng làm hợp đồng là 26.700.000 đồng, còn 1.700.000 đồng là tiền lãi của 10 ngày. Hai lần vay này là sau khi công chứng xong thì mới giao tiền. Bà đóng lãi được 4 tháng thì bà Q mới hết hạn hợp đồng nên yêu cầu bà ký tiếp hợp đồng ngày 16/12/2020 số tiền 30.200.000 đồng, hợp đồng này không có công chứng, bà cũng không có nhận số tiền này. Như vậy, bà chỉ nhận của bà Q 55.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 55.000.000 đồng, bà không đồng ý trả lãi do bà Q cho vay lãi suất cao 20%/tháng.

[3] Bà L cung cấp chứng cứ chứng minh là các tin nhắn giữa bà Q và bà L (BL 35-40), bản sao kê chi tiết 07 lần giao dịch ngân hàng với người tên “Phong” mỗi lần số tiền là “1.007.700” (BL 66-73). Tuy nhiên, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P không thừa nhận, bà L cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh bà Q cho vay lãi suất 20%/tháng trong khi các hợp đồng bà L đồng ý ký tên với lãi suất vay là 1,66%/ tháng, bà L cũng không chứng minh được số tiền bà chuyển cho người tên “Phong” là chuyển cho ông Nguyễn Tấn P để đóng lãi cho bà Q, bà L cũng không có chứng cứ chứng minh bà không có nhận số tiền 30.200.000 đồng của hợp đồng ngày 16/12/2020 trong khi đó bà thừa nhận có ký tên, đồng thời từ ngày vay đến ngày bà Q khởi kiện bà cũng chưa trả cho bà Q số tiền nợ gốc nào.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Toà sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 92.900.000 đồng và chấp nhận yêu cầu

tính lãi suất của số tiền trên kể từ ngày 01/2/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền lãi là 16.500.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà L phải chịu án phí 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Ngọc L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 117, khoản 2 Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Hoàng Q: Buộc bà Võ Ngọc L có trách nhiệm trả cho bà Phan Hoàng Q số tiền 109.400.900 (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm nghìn chín trăm) đồng, gồm 92.900.000 (Chín mươi hai triệu chín trăm nghìn) đồng tiền vốn gốc và 16.500.900 (Mười sáu triệu năm trăm nghìn chín trăm) đồng tiền lãi. Ghi nhận việc bà Q chỉ yêu cầu một mình bà L chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Ngọc L phải chịu án phí 5.470.000 (năm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B hoàn lại cho bà Phan Hoàng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.382.000 (hai triệu ba trăm tám mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000027 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Ngọc L phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005129 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Kim Cũa**